

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 21 tháng 8 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học; triển khai các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo; chứng chỉ giáo dục đại học; các nội dung khác có liên quan thuộc Quy định đào tạo trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

2. Quy định này áp dụng đối với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (sau đây gọi là Trường), các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, giảng viên, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đào tạo trình độ đại học của Trường theo hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên.

3. Quy định này là căn cứ để Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn, quy trình và quy định cụ thể về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học; là căn cứ để các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học

1. Hoạt động đào tạo trình độ đại học được tổ chức theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của Trường; việc bảo đảm chất lượng đào tạo không phụ thuộc hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, địa điểm đào tạo hoặc môi trường đào tạo.

2. Trường tự chủ tổ chức đào tạo, lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập, hỗ trợ lộ trình học tập linh hoạt của người học; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình về chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo và quyền lợi hợp pháp của người học.

3. Bảo đảm quyền học tập, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hỗ trợ học tập và quyền được đối xử công bằng của người học.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn trong tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tạo điều kiện để người học học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá thể hóa; công nhận và chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

6. Bảo đảm sự thống nhất, liên thông trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thúc đẩy khả năng liên thông, công nhận kết quả học tập với giáo dục đại học quốc tế.

7. Đối với chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng, việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá, cấp văn bằng và bảo đảm chất lượng thực hiện theo pháp luật về hợp tác, đầu tư, liên kết đào tạo với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác hợp pháp giữa các bên và các quy định của Quy định này nếu không trái với pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy định này.

Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập phải thực hiện được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần theo quy định của chương trình đào tạo và Quy định về công nhận, chuyển đổi kết quả học tập của Trường.

2. Trường công bố kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của từng chương trình đào tạo đối với từng hình thức đào tạo, bảo đảm người học hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo chuẩn của hình thức đào tạo thường xuyên phải dài hơn ít nhất một phần tư ($1/4$) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

3. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba ($2/3$) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, và thời gian đào tạo tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo.

4. Người học được xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân để hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối thiểu và thời gian tối đa theo Quy định này.

5. Học phần và tín chỉ:

a) Học phần hoặc môn học (sau đây gọi chung là học phần) là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ;

b) Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn;

c) Tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó: một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, một (01) tín chỉ yêu cầu tối thiểu 15 giờ giảng dạy trực tiếp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; một (01) giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

6. Trong trường hợp tổ chức đào tạo song ngành hoặc ngành chính-ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và khối lượng học tập riêng của từng ngành.

Điều 4. Tổ chức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ

1. Đào tạo theo niên chế:

a) Là cách thức tổ chức đào tạo theo lớp học tương đối cố định đối với tất cả các học phần bắt buộc của chương trình đào tạo trong toàn khoá học, cho phép người học cùng lớp thực hiện theo kế hoạch học tập chuẩn và theo một thời khóa biểu chung trừ những học phần tự chọn hoặc học lại;

b) Người học được đánh giá đạt tiến độ học tập theo kế hoạch học tập chuẩn sẽ được học tiếp năm sau theo kế hoạch học tập chuẩn và đăng ký học lại những học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo;

c) Người học được đánh giá không đạt tiến độ học tập theo kế hoạch học tập chuẩn sẽ phải học lại các học phần chưa đạt theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Đào tạo theo tín chỉ:

a) Là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Người học không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Người học không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

3. Người học có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn quy định tại khoản

2 Điều 16 của Quy định này được Trường công nhận, thay thế học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

4. Hiệu trưởng quyết định lựa chọn, áp dụng cách thức tổ chức đào tạo theo niên chế hoặc theo tín chỉ đối với từng khóa và hình thức đào tạo, công bố trước khi bắt đầu khóa học, theo một trong các phương án sau:

a) Đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo;

b) Đào tạo theo niên chế, áp dụng thống nhất cho toàn khóa và hình thức đào tạo;

c) Áp dụng đào tạo theo tín chỉ cho một số khóa hoặc một số hình thức đào tạo và áp dụng đào tạo theo niên chế cho các khóa hoặc hình thức đào tạo còn lại.

Điều 5. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được quy định như sau:

a) Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và người học, được tổ chức tập trung tại Trường trong khung giờ ban ngày chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo; phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại Trường thấp hơn tỷ lệ nêu trên. Khung giờ ban ngày và thời gian tổ chức các hoạt động giảng dạy, học tập được xác định theo quy định của Hiệu trưởng hoặc trong kế hoạch đào tạo, kế hoạch năm học được Hiệu trưởng phê duyệt, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, đặc thù của chương trình đào tạo và quy định hiện hành. Các hoạt động đào tạo có tính chất đặc thù có thể được tổ chức ngoài khung giờ ban ngày theo kế hoạch được phê duyệt;

b) Người học theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Trường bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung cho tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

2. Hình thức đào tạo thường xuyên:

a) Được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy định này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động đào tạo do Trường quyết định phù hợp với chương trình đào tạo và đối tượng người học.

3. Đối với hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên, Trường có thể thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức tổ chức đào tạo gồm: trực tiếp, từ xa; kết hợp giữa trực tiếp và từ xa. Hình thức đào tạo chính quy đồng thời phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải đáp ứng các yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau đây:

a) Trường có hệ thống tổ chức đào tạo từ xa bao gồm Quy định quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

b) Khi tổ chức đào tạo từ xa phải có hệ thống quản lý học tập, học liệu số, cơ chế xác thực danh tính người học, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liên chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho người học;

c) Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của người học được quản lý, lưu trữ trên LMS theo quy định của pháp luật.

5. Trường công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh. Nội dung công bố tối thiểu gồm: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

6. Đối với hình thức đào tạo thường xuyên, thời gian tổ chức hoạt động đào tạo được bố trí linh hoạt theo kế hoạch của chương trình và đối tượng người học; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế được tổ chức tại địa điểm đáp ứng yêu cầu của học phần và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 6. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước

1. Liên kết đào tạo trong nước được thực hiện giữa Trường và một cơ sở đào tạo khác được cấp phép hoạt động giáo dục đại học; không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành đào tạo giáo viên, quốc phòng, an ninh.

2. Liên kết đào tạo đối với các chương trình, ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe thực hiện giữa hai cơ sở giáo dục đại học được cấp phép hoạt động trong phạm vi

cấp phép cùng thuộc lĩnh vực sức khỏe và các cơ sở liên kết đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các quy định về chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với việc đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng tuyển sinh của các chương trình, ngành liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của từng bên theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

4. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở chủ trì đào tạo:

a) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh;

b) Đã ban hành quy định về liên kết và thẩm định các yêu cầu bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

5. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo:

a) Cơ sở chủ trì chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, cùng cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh;

b) Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển người học về cơ sở chủ trì liên kết đào tạo để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho người học;

c) Bảo đảm không để gián đoạn học tập của người học và bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo;

d) Trường hợp tạm dừng, chấm dứt đào tạo phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm mọi quyền lợi cho người học (kế hoạch học tiếp, chuyển chương trình, tín chỉ, học phí, tốt nghiệp...).

6. Trước khi tổ chức liên kết đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo có văn bản đề nghị thực hiện liên kết; Trường và cơ sở phối hợp đào tạo cùng rà soát điều kiện tổ chức đào tạo, thống nhất phương án phối hợp. Trường tổ chức thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

7. Trường và cơ sở phối hợp đào tạo phải ký kết văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết đào tạo. Nội dung thỏa thuận tối thiểu gồm: chương trình, ngành và hình thức đào tạo; quy mô, địa điểm và kế hoạch đào tạo; phân công giảng viên; trách nhiệm quản lý người học; tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; điều kiện cơ sở vật chất, thư viện, học liệu và hạ tầng kỹ thuật; học phí và các khoản

thu theo quy định; quản lý, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu; quyền và trách nhiệm của các bên; phương án bảo đảm quyền lợi của người học khi tạm dừng hoặc chấm dứt liên kết.

8. Hoạt động đào tạo được tổ chức tại Trường hoặc tại trụ sở, địa điểm đào tạo hợp pháp của cơ sở phối hợp đào tạo đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng. Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng yêu cầu về phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập hoặc các điều kiện chuyên môn khác của học phần, các nội dung tương ứng phải được tổ chức tại Trường hoặc tại địa điểm đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định và được Trường phê duyệt.

9. Phòng Đào tạo là đầu mối tham mưu Hiệu trưởng tổ chức thẩm định, ký kết và theo dõi hoạt động liên kết đào tạo; phối hợp với đơn vị đào tạo và các đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ điều kiện bảo đảm chất lượng, quản lý hồ sơ liên kết, dữ liệu người học và thực hiện việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh theo quy định.

10. Hồ sơ liên kết đào tạo, hồ sơ quản lý khóa đào tạo, quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp và các tài liệu liên quan được quản lý, lưu trữ theo quy định về lưu trữ của Trường và quy định của pháp luật. Trường thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra nội bộ hoạt động liên kết đào tạo; các bên tham gia liên kết có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

11. Các nội dung khác về hoạt động liên kết đào tạo trong nước được thực hiện theo quy định riêng về liên kết đào tạo trình độ đại học của Trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Việc liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân tại nước sở tại và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên.

2. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận).

3. Chương trình liên kết đào tạo phải là chương trình đã được triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

4. Yêu cầu đầu vào và đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không được thấp hơn yêu cầu đầu vào và chuẩn của chương trình đào tạo tương ứng tại Việt Nam.

5. Văn bằng do trường nước ngoài cấp cho người học học tại Việt Nam phải tương đương hoàn toàn (về hình thức, giá trị pháp lý, cơ hội học lên cao) với văn bằng cấp tại trụ sở chính, không được có sự phân biệt đối xử về địa điểm học.

6. Giảng viên của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trực tiếp tham gia giảng dạy ít nhất 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo và có trình độ từ thạc sĩ trở lên; có học hàm, học vị phù hợp quy định và năng lực ngoại ngữ đáp ứng điều kiện truyền tải chương trình.

7. Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của từng bên theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên theo năm tuyển sinh.

8. Các cơ sở giáo dục đại học tham gia liên kết đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật và theo thỏa thuận liên kết về việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, quản lý người học và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

Chương II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tuần tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.

2. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức.

3. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

4. Việc phân bổ học kỳ và bố trí thời khóa biểu tại Trường được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức 02 học kỳ chính trong một năm học: mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học, 01 tuần kiểm tra giữa học kỳ và 03 tuần thi. Học kỳ phụ có 05 tuần thực học và 01 tuần thi; được tổ chức cho người học học lại, học vượt, học thêm học phần ngoài chương trình đào tạo hoặc học các học phần đã đăng ký nhưng chưa được học hoặc chưa học xong ở học kỳ chính do thiên tai,

dịch bệnh và các tình huống bất thường khác. Người học đăng ký học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện; việc tổ chức học kỳ phụ căn cứ điều kiện thực tế của từng năm học;

b) Trường hợp tổ chức 03 học kỳ chính trong một năm học: mỗi học kỳ chính có 10 tuần thực học và 02 tuần thi; không tổ chức học kỳ phụ;

c) Thời gian, địa điểm và phương thức tổ chức các giờ học của từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy được phê duyệt.

Điều 9. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, đơn vị đào tạo hướng dẫn cho người học đăng ký học tập trên Hệ thống đăng ký học tập của Trường.

2. Người học học theo tín chỉ đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có), căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Người học học theo niên chế đăng ký học lại những học phần chưa đạt dự định sẽ học trong học kỳ, đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký học những học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo.

4. Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, 11 cấp học trung học phổ thông, được phép đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học của Trường.

Kết quả học tập của học sinh tích lũy tại Trường được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi người học đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là người học của Trường, đồng thời kết quả học tập phải còn phù hợp với chuẩn đầu ra và thời hạn giá trị.

5. Khối lượng học tập của người học trong mỗi học kỳ nằm trong khung như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ học kỳ cuối khóa hoặc các trường hợp đặc biệt;

b) Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn, trừ trường hợp người học có học lực từ loại Khá trở lên.

6. Quy trình đăng ký học tập và rút bớt học phần tại Trường được thực hiện như sau:

a) Mỗi học kỳ, Trường tổ chức 03 đợt đăng ký học tập: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 01 tháng; đăng ký bình thường khoảng 02 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ; đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ;

Thời gian cụ thể của từng đợt đăng ký học tập do Trường quy định trong kế hoạch đào tạo từng học kỳ và công bố trước khi mở đăng ký.

b) Riêng học kỳ đầu tiên của khóa học, Trường tổ chức đăng ký học tập theo kế hoạch chung cho các lớp, ngành học; người học có thể đăng ký bổ sung học phần hoặc học vượt trong đợt đăng ký muộn nếu đáp ứng điều kiện;

c) Việc đăng ký học phần phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, học trước, song hành và trình tự học tập được quy định trong chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần;

d) Người học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó cho đến khi đạt tối thiểu điểm D; số lần học lại không hạn chế trong thời gian đào tạo tối đa. Nếu học phần không còn được giảng dạy, người học đăng ký học phần tương đương hoặc học phần thay thế theo danh mục do đơn vị đào tạo đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt;

đ) Người học có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo;

e) Người học có học phần đã đạt từ điểm D trở lên được đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Người học học lại học phần nào phải thực hiện nghĩa vụ học phí đối với học phần đó theo quy định hiện hành của Trường;

g) Người học đăng ký học tập trên Hệ thống của Trường có xác nhận của cố vấn học tập theo quy trình. Phiếu đăng ký học tập có xác nhận của cố vấn học tập hoặc xác nhận điện tử có giá trị tương đương là căn cứ xác nhận khối lượng học tập chính thức của người học;

h) Việc rút bớt học phần đã đăng ký đối với năm học có 02/03 học kỳ chính được thực hiện trong 02 tuần đầu học kỳ chính trong 01 tuần đầu học kỳ phụ.

i) Người học chỉ được rút học phần khi vẫn bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu theo khoản 5 Điều này, được cố vấn học tập chấp thuận và hoàn thành thủ tục theo quy định của Trường. Người học chỉ được ngừng tham dự học phần sau khi được chấp thuận; trường hợp tự ý bỏ học thì được xử lý theo quy định về đánh giá học phần;

k) Người học có học lực từ loại Khá trở lên được xem xét đăng ký khối

lượng học tập vượt mức quy định tại điểm b khoản 5 Điều này khi đáp ứng điều kiện tiên quyết, không trùng lịch học, lịch thi và được cố vấn học tập, đơn vị đào tạo chấp thuận theo quy trình của Trường;

l) Đối với học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này, Trường công bố hằng năm danh mục học phần được phép đăng ký tích lũy trước, căn cứ vào điều kiện bảo đảm chất lượng và mức độ phù hợp của học phần. Việc đăng ký phải có đề nghị của người học, xác nhận của cơ sở giáo dục phổ thông và được Trường chấp thuận; kết quả được quản lý trên hệ thống đào tạo và chỉ được công nhận sau khi người học được công nhận là người học của Trường, còn trong thời hạn giá trị và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điều 10. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của người học, tạo điều kiện và động lực để người học nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tiếp, từ xa khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa tương đương lớp học phương thức trực tiếp;

b) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Việc tổ chức giảng dạy và học tập tại Trường được thực hiện theo các yêu cầu sau:

a) Trường đơn vị đào tạo tổ chức phân công giảng viên cho các lớp học; phân công giảng viên giảng dạy, hướng dẫn người học làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án, khóa luận và thực hiện các hoạt động học tập khác theo phân cấp của Trường;

b) Trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo

đảm chất lượng và hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học; việc tổng hợp, sử dụng và công khai kết quả phản hồi thực hiện theo quy định về bảo đảm chất lượng của Trường;

c) Giảng viên, đơn vị đào tạo và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định hiện hành của Trường;

d) Người học có trách nhiệm tham dự các lớp học, thí nghiệm, thực hành, kiến tập, thực tập, thực hiện đồ án, khóa luận và các hoạt động học tập khác theo yêu cầu của học phần, chương trình đào tạo và các quy định hiện hành của Trường;

đ) Việc thực hiện lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa bảo đảm nguyên tắc chất lượng như lớp học trực tiếp;

e) Không áp dụng phương thức tổ chức đào tạo từ xa đối với các học phần thực hành chuyên ngành, thực hành lâm sàng, thực tập nghề nghiệp và đánh giá năng lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe; phần thực hành nghề nghiệp cốt lõi của các ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và sáng tác nghệ thuật, các học phần đòi hỏi tương tác trực tiếp giữa giảng viên và người học của các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật, biểu diễn do Trường quy định.

Điều 11. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

1. Hiệu trưởng chỉ đạo thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của người học.

2. Dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, đánh giá, công nhận tín chỉ, cảnh báo học tập, kỷ luật, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp phải được quản lý đầy đủ, chính xác và an toàn; được cập nhật, lưu trữ, khai thác, sử dụng và báo cáo theo quy định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

3. Trường sử dụng dữ liệu, báo cáo, kết quả kiểm định, kết quả thanh tra, kiểm tra và phản ánh của người học, giảng viên, người sử dụng lao động để giám sát chất lượng đào tạo; yêu cầu đơn vị, các nhân liên quan giải trình, khắc phục hoặc xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ không bảo đảm chất lượng.

4. Phòng Đào tạo là đầu mối quản lý dữ liệu đào tạo trình độ đại học của Trường. Các đơn vị đào tạo, giảng viên và đơn vị có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu thuộc phạm vi được giao. Việc điều chỉnh dữ liệu đã được xác nhận phải được thực hiện

theo quy trình, có căn cứ và lưu vết trên hệ thống.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 12. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, người học được đánh giá qua tối thiểu ba điểm thành phần trong đó điểm thi cuối kỳ có trọng số tối thiểu 50%, đối với các học phần có khối lượng học tập nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có hai điểm đánh giá, đối với đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp có thể chỉ có một điểm đánh giá. Số lượng điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc các thang điểm khác do Trường quy định đáp ứng chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Việc đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện từ xa khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

3. Người học vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng hoặc bị cấm thi do nợ học phí phải nhận điểm 0 (không); người học vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến phần trăm và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập. Trường áp dụng các mức điểm chữ chi tiết như sau:

A: từ 9,00 đến 10,00;

A-: từ 8,50 đến 8,99;

B+: từ 8,00 đến 8,49;

B: từ 7,50 đến 7,99;
B-: từ 7,00 đến 7,49;
C+: từ 6,50 đến 6,99;
C: từ 6,00 đến 6,49;
C-: từ 5,50 đến 5,99;
D+: từ 5,00 đến 5,49;
D: từ 4,00 đến 4,99;

Các mức A, A- thuộc nhóm A; B+, B, B- thuộc nhóm B; C+, C, C- thuộc nhóm C; D+, D thuộc nhóm D khi đối chiếu với các quy định khác của Quy định này.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,00 trở lên.

c) Loại không đạt áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập:

F: dưới 4,00.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

5. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a) Người học có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 6 Điều này;

b) Người học đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm theo Quy định này.

6. Việc tổ chức đánh giá học phần được thực hiện theo Quy định này và các quy định có liên quan của Trường, trong đó:

a) Việc tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của người học (bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần) được thực hiện theo đề cương chi tiết học phần và các quy định có liên quan của Trường;

b) Việc tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra (nếu có), bảo quản bài thi, việc

hoãn thi và miễn thi được thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả học tập của Trường;

c) Việc tổ chức đánh giá các học phần, đồ án, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác được thực hiện theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và quy định riêng đối với từng loại;

d) Thành viên hội đồng đánh giá đồ án, khóa luận, đánh giá môn thực hành, kiến tập, thực tập có thể là giảng viên trong và ngoài Trường, nhà khoa học hoặc chuyên gia làm việc tại doanh nghiệp có chuyên môn phù hợp;

đ) Việc thi lại hoặc đánh giá lại để cải thiện điểm học phần được thực hiện theo quy định kiểm tra, đánh giá hiện hành của Trường;

e) Việc học lại để cải thiện điểm và cách xác định điểm chính thức của học phần thực hiện theo khoản 9 Điều này;

g) Bảo đảm công bằng đối với tất cả người học trong cùng lớp, giữa các lớp, các khóa học và các hình thức đào tạo.

7. Cách tính điểm học phần tại Trường:

a) Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, bài tập, seminar và/hoặc thực hành, điểm học phần được tính theo công thức:

$$a = 0,2 \times a_1 + 0,3 \times a_2 + 0,5 \times a_3$$

Trong đó: a là điểm học phần; a_1 là điểm đánh giá quá trình, bao gồm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên và các hoạt động học tập khác theo đề cương chi tiết học phần; a_2 là điểm đánh giá giữa học phần; a_3 là điểm thi hoặc đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên có điểm thi hoặc đánh giá kết thúc học phần a_3 nhỏ hơn hoặc bằng 1,0 (một) được coi là không đạt điểm học phần (điểm học phần đạt điểm F);

b) Đối với học phần thực hành, người học phải tham dự đầy đủ các nội dung thực hành bắt buộc; điểm học phần được xác định từ các điểm đánh giá bài thực hành theo đề cương chi tiết học phần, đồng thời bảo đảm số lượng điểm thành phần theo khoản 1 Điều này;

c) Đối với học phần thực tập, điểm học phần được xác định từ các điểm đánh giá quá trình thực tập, kết quả của cơ sở thực tập hoặc người hướng dẫn, báo cáo/sản phẩm thực tập và các thành phần khác theo đề cương chi tiết học phần; số lượng điểm thành phần phải đáp ứng khoản 1 Điều này;

d) Đối với đồ án, khóa luận tốt nghiệp, điểm học phần là kết quả đánh giá đồ án, khóa luận theo quy định của Trường và có thể sử dụng một điểm đánh giá theo khoản 1 Điều này.

8. Các điểm thành phần theo thang điểm 10 được ghi nhận theo quy định trong đề cương chi tiết học phần; điểm học phần được tính từ các điểm thành phần và làm tròn đến hàng phần trăm theo khoản 4 Điều này.

9. Người học được đăng ký học lại, thi lại học phần đã đạt để cải thiện điểm; điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất trong các lần học. Việc tổ chức thi, kiểm tra, ra đề, coi thi, chấm thi, phúc tra, bảo quản bài làm, hoãn thi và miễn thi thực hiện theo Quy định kiểm tra, đánh giá hiện hành của Trường.

Điều 13. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà người học không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà người học đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà người học đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình chung tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

A quy đổi thành 4,00;

A- quy đổi thành 3,70;

B+ quy đổi thành 3,30;

B quy đổi thành 3,00;

B- quy đổi thành 2,70;

C+ quy đổi thành 2,30;

C quy đổi thành 2,00;

C- quy đổi thành 1,70;

D+ quy đổi thành 1,30;

D quy đổi thành 1,00;

F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc điểm trung bình chung tích

lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Trường hợp Trường tổ chức đào tạo theo niên chế và sử dụng thang điểm 10, điểm trung bình được tính trực tiếp từ điểm học phần theo thang điểm 10; việc xử lý kết quả học tập thực hiện theo Điều 15 của Quy định này.

5. Người học được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hàng phần trăm và quy định như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,60 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,20 đến 3,59: Giỏi;

Từ 2,50 đến 3,19: Khá;

Từ 2,00 đến 2,49: Trung bình;

Từ 1,00 đến 1,99: Yếu;

Dưới 1,00: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,00 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,00 đến 8,99: Giỏi;

Từ 7,00 đến 7,99: Khá;

Từ 5,00 đến 6,99: Trung bình;

Từ 4,00 đến 4,99: Yếu;

Dưới 4,00: Kém.

6. Người học được xếp trình độ theo năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;

d) Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;

đ) Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

e) Trình độ năm thứ sáu: $5M \leq N < 6M$.

7. Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức:

$$A = \frac{\sum_i n_i a_i}{\sum_i n_i}$$

Trong đó: A là điểm trung bình; a_i là điểm chính thức của học phần thứ i; n_i là số tín chỉ của học phần thứ i. Điểm trung bình được làm tròn đến hàng phần trăm. Điểm trung bình học kỳ theo thang điểm 10 được sử dụng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ theo quy định của Trường; điểm trung bình năm học được sử dụng cho các yêu cầu quản lý tương ứng. Trường hợp người học học lại để cải thiện điểm, điểm chính thức của học phần được xác định theo khoản 9 Điều 12 của Quy định này.

Điều 14. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính (hoặc học kỳ 2 và học kỳ phụ) người học bị cảnh báo học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;
- b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với người học trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với người học trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với người học trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với người học các năm tiếp theo.

2. Người học bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- b) Thời gian học tập vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

3. Việc cảnh báo học tập và buộc thôi học phải bảo đảm:

- a) Số lần cảnh báo, thời gian cảnh báo học vụ người học; bảo đảm thông tin cảnh báo tới người học kịp thời;
- b) Việc lựa chọn áp dụng một số điều kiện cảnh báo học tập, giới hạn số lần hoặc mức cảnh báo học tập nhưng không vượt quá 2 lần cảnh báo liên tiếp;
- c) Quy trình, hình thức, đối tượng, cảnh báo học tập, buộc thôi học; việc công nhận kết quả học tập và cấp bằng điểm kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp người học bị buộc thôi học và các quy định khác bảo đảm quyền lợi người học;
- d) Việc thực hiện cảnh báo sớm, tư vấn học tập, thông báo cho người học và tạo điều kiện để người học đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế

hoạch học tập theo Quy định này.

4. Trường áp dụng các điều kiện cảnh báo học tập quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Ngoài việc cảnh báo học tập vào cuối năm học, sau mỗi học kỳ chính Trường thực hiện cảnh báo sớm để người học, cố vấn học tập và đơn vị đào tạo kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập; cảnh báo sớm không thay thế việc đánh giá cảnh báo học tập chính thức theo khoản 1 Điều này.

5. Giới hạn cảnh báo học tập để xem xét buộc thôi học là 02 lần cảnh báo học tập chính thức liên tiếp. Phòng Đào tạo tổng hợp danh sách; đơn vị đào tạo thực hiện tư vấn, rà soát từng trường hợp trước khi trình Hiệu trưởng quyết định. Người học được thông báo kết quả cảnh báo, quyết định buộc thôi học và được hướng dẫn về việc bảo lưu kết quả học tập, cấp bằng điểm và khả năng chuyển hình thức đào tạo nếu đáp ứng Điều 19 của Quy định này.

Điều 15. Xử lý kết quả học tập theo niên chế

1. Cuối mỗi năm học, người học được đánh giá đạt tiến độ học tập và được học tiếp lên năm học sau khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Điểm trung bình năm học đạt từ 3,50 trở lên (theo thang điểm 10) đối với năm học thứ nhất, từ 4,00 trở lên đối với năm thứ hai và từ 4,50 đối với năm thứ ba trở đi;

b) Số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa không vượt quá 20% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo.

2. Người học bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy các năm học không đạt quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 3,80 sau 2 năm học, dưới 4,00 sau 3 năm học và dưới 4,20 từ sau 4 năm học trở đi;

c) Thời gian học tập vượt quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

3. Người học không thuộc diện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xếp lớp học cùng khóa sau để cải thiện kết quả học tập hoặc chuyển sang hình thức đào tạo.

4. Việc cảnh báo học tập và xử lý kết quả học tập theo niên chế phải bảo đảm:

a) Việc lựa chọn áp dụng một số điều kiện cảnh báo học tập tương tự quy định đối với đào tạo theo tín chỉ tại khoản 1 Điều 14 của Quy định này;

b) Quy trình, hình thức, đối tượng, cảnh báo học tập, buộc thôi học; việc thông báo hình thức áp dụng tới người học; trách nhiệm thực hiện cảnh báo sớm,

tư vấn học tập, thông báo cho người học và tạo điều kiện để người học đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập theo Quy định này;

c) Việc bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp người học bị buộc thôi học;

d) Việc chuyển đổi hình thức đào tạo chính quy sang đào tạo thường xuyên.

Điều 16. Chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả tích lũy được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong Trường hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyên ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học theo Quy định này và các quy định hiện hành của Trường. Trường xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho người học hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo kể từ ngày được thi kết thúc học phần hoặc công nhận chứng chỉ.

3. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Người học được Trường xem xét công nhận để chuyển đổi tín chỉ của các học phần trên cơ sở kết quả học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm mà người học đã tích lũy được thông qua quá trình học tập làm việc khi bảo đảm:

a) Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá học thuật, bảo đảm công bằng, minh bạch và chất lượng chương trình đào tạo, thời hạn sử dụng công nhận kết quả học tập, chứng chỉ;

c) Phù hợp với các quy định của Trường về điều kiện, tiêu chí đánh giá; quy trình xét công nhận; thời hạn hiệu lực của kết quả học tập; giới hạn số tín chỉ được công nhận; các trường hợp phải đánh giá bổ sung; thẩm quyền quyết định và cơ chế giải quyết khiếu nại;

d) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải dựa trên đối sánh chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về

đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và tính xác thực của kết quả học tập; kết quả công nhận không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

đ) Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng làm minh chứng đạt yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

5. Trường công khai thời hạn giá trị của chứng chỉ giáo dục đại học, kết quả học tập được công nhận, tỷ lệ tín chỉ tối đa được công nhận, trường hợp phải đánh giá bổ sung, thẩm quyền quyết định và cơ chế khiếu nại của người học.

6. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại Trường được thực hiện theo Quy định công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học và các trình độ khác hiện hành của Trường. Đơn vị đào tạo là đầu mối tiếp nhận, phối hợp với đơn vị chuyên môn và Hội đồng chuyên môn thực hiện đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung, khối lượng học tập và phương pháp đánh giá trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Thời hạn giá trị tối đa của chứng chỉ giáo dục đại học để xem xét công nhận, chuyển đổi tại Trường không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo tính từ thời điểm được công nhận chứng chỉ. Thời hạn giá trị của chứng chỉ của một số học phần có tính thời sự cao do Hội đồng chuyên môn ngành quyết định.

Điều 17. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Người học được xét và công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo và được xếp loại học lực từ trung bình trở lên;

b) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

c) Hoàn thành các yêu cầu cần đạt của chương trình đào tạo và các yêu cầu khác theo quy định chuẩn chương trình đào tạo.

2. Người học đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy định văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành tính từ thời điểm người học đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 5 Điều 13 của Quy định này, trong đó, hạng tốt nghiệp của người học có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại quá 10% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo;

b) Người học đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học;

c) Người học vi phạm các quy định về liên chính học thuật, liên chính khoa học.

4. Người học không tốt nghiệp:

a) Được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bằng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo;

b) Được xác nhận đã tham gia học tập các học phần trong chương trình đào tạo của Trường.

5. Việc xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường phải bảo đảm:

a) Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm được công bố và thực hiện thống nhất; mức độ vi phạm liên chính học thuật, liên chính khoa học được xem xét theo quy định của Trường;

b) Kết quả học tập đã tích lũy của người học không tốt nghiệp được bảo lưu, công nhận theo Điều 16 của Quy định này và các quy định hiện hành của Trường;

c) Hồ sơ học tập, hồ sơ xét tốt nghiệp và văn bằng được lưu trữ; dữ liệu văn bằng được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

6. Khi xét tốt nghiệp, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, người học phải hoàn thành các yêu cầu cụ thể đã được xác định trong chương trình đào tạo, bao gồm: có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với ngành không chuyên về quốc phòng, an ninh; hoàn thành học phần hoặc yêu cầu Giáo dục thể chất đối với ngành không chuyên về thể dục, thể thao; đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và các chuẩn đầu ra khác theo chương trình đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo hiện hành.

7. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm rà soát điều kiện tốt nghiệp của người học; Phòng Đào tạo kiểm tra, tổng hợp và trình Hiệu trưởng quyết định công nhận tốt nghiệp. Quy trình, hồ sơ, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm thực hiện theo quy định, kế hoạch đào tạo hiện hành của Trường.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 18. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Người học được xem xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau và không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

2. Người học xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì lý do cá nhân khác (không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này) nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân trong trường hợp này sẽ được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

3. Người học bị buộc thôi học hoặc xin thôi học, nếu có nguyện vọng quay trở lại học, phải tham gia dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Người học đề nghị nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học hoặc thôi học nộp hồ sơ theo mẫu và các minh chứng có liên quan cho đơn vị được Trường giao tiếp nhận. Đơn vị đào tạo phối hợp với Phòng CTCT-HSSV kiểm tra điều kiện, trình Hiệu trưởng quyết định. Người học nghỉ học tạm thời phải thực hiện thủ tục trở lại học trước thời điểm đăng ký học tập của học kỳ dự kiến tiếp tục học, trừ trường hợp đặc biệt được Hiệu trưởng xem xét.

Điều 19. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo

1. Người học được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu của Trường, hoặc giữa phân hiệu và trụ sở chính khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Người học đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là người học năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này;
- b) Người học đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào của chương trình, ngành đào tạo của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh và các quy định khác của Trường;
- c) Trường, trụ sở chính hoặc phân hiệu chuyển đến đáp ứng đầy đủ điều

kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong toàn bộ thời gian tổ chức đào tạo và số lượng người học không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

2. Người học được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Người học đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là người học năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này;

b) Người học đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo mà người học chuyển đến theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo nơi chuyển đến.

3. Người học được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Người học của phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo được sáp nhập, chia tách, giải thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quyết định sáp nhập, chia tách, giải thể phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo.

5. Việc chuyển người học trong trường hợp cơ sở đào tạo, phân hiệu bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi quyết định cấp phép hoạt động thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Trường quy định chi tiết điều kiện, thứ tự ưu tiên người học và quy trình thủ tục chuyển chương trình, ngành đào tạo, nơi học, chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức đào tạo, tiếp nhận người học từ cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu bị đình chỉ hoạt động; việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ, chứng chỉ giáo dục đại học đã tích lũy còn thời hạn đối với người học thuộc các trường hợp này.

7. Hồ sơ chuyển chương trình, ngành đào tạo, nơi học, cơ sở đào tạo hoặc hình thức đào tạo được xem xét theo từng học kỳ hoặc năm học trên cơ sở năng

lực đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng. Khi số lượng người học đề nghị chuyển vượt khả năng tiếp nhận, thứ tự ưu tiên được xác định theo: trường hợp có lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt có minh chứng; kết quả học tập tích lũy cao hơn; số tín chỉ được công nhận nhiều hơn; thời điểm nộp đủ hồ sơ. Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị chuyên môn thẩm định điều kiện, kết quả học tập được công nhận và trình Hiệu trưởng quyết định.

Điều 20. Trao đổi người học và hợp tác đào tạo

1. Quy định về công nhận và chuyển đổi kết quả học tập là căn cứ để công nhận chứng chỉ giáo dục đại học, tín chỉ làm căn cứ cho phép người học của Trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại, kể cả các cơ sở đào tạo nước ngoài (sau đây gọi là trao đổi người học).

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận kết quả học tập, người học của Trường có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và bảo đảm tổng số tín chỉ người học tích lũy tại các cơ sở đào tạo khác theo tất cả các hình thức đào tạo luôn thấp hơn 50% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 19 của Quy định này.

3. Trong hợp tác đào tạo, Trường thỏa thuận hợp tác với cơ sở đào tạo khác khai thác để sử dụng cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo; cơ sở phối hợp không tham gia vào hoạt động tổ chức giảng dạy để cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học.

4. Tạo điều kiện người học tham gia các chương trình trao đổi học tập tích lũy tín chỉ học tập tại các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và được công nhận chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy tại cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phù hợp với các học phần tương đương trong các chương trình đào tạo đang theo học.

5. Việc trao đổi người học và hợp tác đào tạo tại Trường được thực hiện như sau:

a) Phòng Đào tạo là đầu mối phối hợp với các đơn vị chuyên môn xây dựng thỏa thuận học tập, đối sánh học phần, công nhận kết quả học tập và quản lý hồ sơ trao đổi người học;

b) Trong chương trình trao đổi người học thông thường, tổng số tín chỉ người học của Trường tích lũy tại cơ sở đào tạo khác và được công nhận vào chương trình đào tạo tại Trường thấp hơn 50% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo; các trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 19 thực hiện theo quy định tương ứng của Quy định này;

c) Trước khi học tại cơ sở đào tạo khác, người học phải có kế hoạch học

tập hoặc thỏa thuận học tập được Trường chấp thuận. Sau khi hoàn thành, người học nộp bảng điểm, chứng chỉ giáo dục đại học và hồ sơ liên quan để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ theo Điều 16 của Quy định này.

Điều 21. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, người học có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người học được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, người học phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau và các điều kiện khác của Trường:

a) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai của năm người học trúng tuyển chương trình thứ nhất;

b) Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai của năm người học trúng tuyển chương trình thứ nhất.

c) Trường hợp số lượng sinh viên đủ điều kiện đăng ký học chương trình thứ hai vượt quá khả năng tiếp nhận, sinh viên được xét theo điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng được tiếp nhận. Trường hợp có nhiều sinh viên có cùng điểm trung bình tích lũy ở vị trí cuối cùng, việc xét lựa chọn được thực hiện theo tiêu chí phụ do Hiệu trưởng quy định và được công bố trước khi tổ chức đăng ký.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với người học học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, người học được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

5. Trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho người học khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về số lượng tuyển sinh, năng lực đào tạo;

đồng thời có quy định chi tiết về quy trình, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung tích lũy của chương trình thứ nhất xuống dưới mức Trung bình hoặc người học thuộc diện cảnh báo học tập thì người học phải dừng đăng ký học mới của chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo. Việc tiếp tục chương trình thứ hai được xem xét sau khi người học khắc phục tình trạng học tập của chương trình thứ nhất và đáp ứng các điều kiện của Trường.

7. Sau khi có kết quả học tập làm căn cứ xét điều kiện, Trường thông báo để người học đăng ký chương trình thứ hai. Người học nộp hồ sơ theo thông báo của Phòng Đào tạo; Phòng Đào tạo phối hợp với đơn vị đào tạo thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách người học được học chương trình thứ hai. Người học được chấp thuận đăng ký khối lượng học tập theo kế hoạch học tập chuẩn của chương trình thứ hai và kế hoạch học tập cá nhân.

8. Người học bị buộc thôi học ngành 2 nếu không phát sinh tín chỉ được tích lũy của chương trình đào tạo thứ hai trong hai học kỳ liên tiếp, kể cả học kỳ phụ (nếu có).

9. Người học đăng ký chương trình thứ hai là ngành Giáo dục Mầm non hoặc Giáo dục Thể chất phải đáp ứng yêu cầu về môn năng khiếu theo quy định tuyển sinh và quy định hiện hành của Trường.

10. Người học học chương trình thứ hai thực hiện nghĩa vụ học phí theo số tín chỉ đăng ký và mức thu hiện hành. Việc miễn, giảm học phí, học bổng và các chế độ hỗ trợ khác, kể cả chế độ hỗ trợ đối với ngành đào tạo giáo viên, thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tài chính của Trường tại thời điểm áp dụng.

11. Người học được áp dụng chương trình đào tạo của chương trình thứ hai và các quy định về đào tạo có hiệu lực tại thời điểm được Hiệu trưởng phê duyệt học chương trình thứ hai. Việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, tín chỉ và học phần đã tích lũy trong chương trình thứ nhất để sử dụng trong chương trình thứ hai được thực hiện theo các quy định có hiệu lực tại thời điểm người học được phê duyệt học chương trình thứ hai.

12. Sau khi được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất, người học tiếp tục học chương trình thứ hai và được bố trí vào lớp hành chính năm thứ nhất thuộc ngành đào tạo của chương trình thứ hai để thực hiện công tác quản lý người học. Đơn vị đào tạo phụ trách chương trình thứ hai chịu trách nhiệm quản lý, tư vấn và hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo. Việc bố trí lớp hành chính không làm thay đổi kết quả học tập đã được công nhận, số tín chỉ đã tích

lũy, trình độ năm học và thời gian đào tạo tối đa của người học theo quy định.

Điều 22. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Việc người học trình độ đại học học trước các học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ghi nhận kết quả học tập, công nhận và chuyển đổi tín chỉ được thực hiện theo Quy định tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường, chương trình đào tạo và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, chương trình đào tạo quy định khối lượng tối đa các học phần trình độ thạc sĩ được người học tích lũy trong giai đoạn cuối của chương trình đào tạo trình độ đại học, việc công nhận và sử dụng kết quả học tập đã tích lũy, đồng thời quy định việc xử lý kết quả học tập trong trường hợp người học không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện chuyển tiếp sang giai đoạn đào tạo trình độ thạc sĩ. Đối với người học không thuộc chương trình đào tạo tích hợp, khối lượng học tập được công nhận, chuyển đổi từ các học phần đã học trước không vượt quá 40% tổng khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành. Việc được học trước các học phần trình độ thạc sĩ không đồng nghĩa với việc người học đã trúng tuyển hoặc được công nhận là học viên trình độ thạc sĩ; kết quả đã tích lũy chỉ được công nhận, chuyển đổi khi người học đáp ứng các điều kiện tương ứng của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường hợp kết quả không được công nhận vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc người học không tiếp tục học, kết quả đã tích lũy được xác nhận theo quy định về chứng chỉ giáo dục đại học.

2. Người học tham gia chương trình tích hợp được tư vấn học thuật, thông tin đầy đủ về học phí, tiến độ học tập, điều kiện duy trì, điều kiện chuyển ra khỏi chương trình và quyền lợi liên quan.

3. Người học thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được phép đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đạt ít nhất 3/4 khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học ban đầu và có điểm trung bình tích lũy đạt khá trở lên.

4. Người học được cấp bằng cùng lúc trình độ đại học và trình độ thạc sĩ khi đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt của từng giai đoạn và toàn bộ quá trình đào tạo.

5. Người học đang theo học chương trình đào tạo trình độ đại học, có kết quả học tập từ loại Khá hoặc tương đương trở lên, được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành. Đối với người học đăng ký theo lộ trình chương trình đào tạo tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, đồng thời phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

Đối với chương trình đào tạo chuyên sâu bậc 7, chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần phải xác định rõ danh mục học phần được phép học trước, học phần tiên quyết, học phần học trước hoặc yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra mà người học phải đáp ứng trước khi đăng ký.

Điều 23. Đào tạo liên thông để cấp văn bằng trình độ đại học

1. Trường tổ chức tuyển sinh và đào tạo cho người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo có bậc trình độ thấp hơn bậc 6 để theo học chương trình đào tạo trình độ đại học khi Trường đã tổ chức đào tạo theo tín chỉ (riêng các ngành an ninh, quốc phòng thực hiện theo quy định của Trường) và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo chương trình, ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn, không áp dụng đối với đào tạo các ngành Y khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các người học khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi chứng chỉ giáo dục đại học, số tín chỉ, người học được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 16 của Quy định này và các quy định hiện hành.

3. Điều kiện, trình tự tiếp nhận học liên thông; việc công nhận, chuyển đổi chứng chỉ giáo dục đại học, số tín chỉ và miễn trừ học phần cho người học liên thông thực hiện theo Quy định về đào tạo liên thông trình độ đại học của Trường và Điều 16 của Quy định này; bảo đảm công bằng, minh bạch, chặt chẽ về chất lượng và áp dụng cùng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như đối với các người học khác.

4. Việc tuyển sinh, tiếp nhận, xây dựng kế hoạch học tập, công nhận và chuyển đổi tín chỉ đối với người học liên thông thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh, Quy định công nhận, chuyển đổi kết quả học tập và các quy định hiện hành của Trường; bảo đảm người học liên thông đáp ứng cùng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo như các người học khác.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với người học

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi vi phạm và các quy định hiện hành, người học vi phạm bị xử lý theo các quy định sau:

1. Nhóm hành vi gian lận trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, liên chính học thuật, liên chính khoa học.

2. Nhóm hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng (có tổ chức hoặc dùng công nghệ): hồ sơ học tập, nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ cho người khác, sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận, mua hoặc bán bài tập, đề án, khóa luận tốt nghiệp, can thiệp trái phép vào

LMS hoặc hệ thống điểm.

3. Nhóm hành vi sử dụng hồ sơ và văn bằng giả, chứng chỉ giả (ngoại ngữ, tin học, bằng tốt nghiệp THPT...) để làm điều kiện trúng tuyển (đầu vào); làm điều kiện xét tốt nghiệp (đầu ra); với nhóm hành vi này Trường thực hiện đối soát dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đầu vào của người học với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học ngay khi nhập học.

4. Đối với gian lận trong thi, kiểm tra và đánh giá học phần, tùy tính chất, mức độ vi phạm, áp dụng các hình thức xử lý sau:

a) Khiển trách và trừ 25% tổng số điểm của bài thi hoặc bài đánh giá đối với người học vi phạm lần đầu ở mức độ nhìn bài, trao đổi bài hoặc hành vi tương đương; cán bộ coi thi hoặc người tổ chức đánh giá lập biên bản làm căn cứ xử lý;

b) Cảnh cáo và trừ 50% tổng số điểm của bài thi hoặc bài đánh giá đối với người học đã bị khiển trách nhưng tiếp tục vi phạm trong cùng buổi thi/đánh giá; trao đổi bài làm, giấy nháp; chép bài của người khác hoặc để người khác chép bài của mình và các hành vi tương đương;

c) Đình chỉ thi hoặc đình chỉ đánh giá đối với người học đã bị xử lý ở mức cảnh cáo nhưng tiếp tục vi phạm; mang vật dụng, tài liệu hoặc phương tiện trái phép vào khu vực thi; đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải từ bên ngoài; có hành vi đe dọa, gây rối hoặc không chấp hành yêu cầu của người có trách nhiệm. Người học bị đình chỉ đối với học phần nào thì kết quả của bài thi hoặc lần đánh giá đó bị hủy và người học phải học lại hoặc thực hiện lại học phần theo quy định.

5. Người học thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ bị đình chỉ học tập 01 năm đối với lần vi phạm thứ nhất và bị buộc thôi học đối với lần vi phạm thứ hai.

6. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả để làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp bị xử lý theo quy định của pháp luật và của Trường; trường hợp hành vi làm sai lệch căn cứ tuyển sinh hoặc căn cứ công nhận tốt nghiệp thì bị xem xét buộc thôi học, thu hồi hoặc hủy bỏ văn bằng đã cấp theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

7. Việc sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số hoặc phương tiện công nghệ để gian lận được xem xét theo mục đích sử dụng, mức độ can thiệp, hậu quả và quy định về liên chính học thuật của học phần. Hình thức xử lý được áp dụng tương ứng với mức độ vi phạm tại Điều này và quy định về liên chính học thuật, liên chính khoa học của Trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định; quản lý kế hoạch đào tạo, đăng ký học tập, kết quả học tập, cảnh báo học tập, xét tốt nghiệp và dữ liệu đào tạo; phối hợp với các đơn vị xây dựng quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn nghiệp vụ.

2. Trưởng các đơn vị đào tạo và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định trong phạm vi được giao; phân công giảng viên, tổ chức giảng dạy và đánh giá, tư vấn học tập, quản lý hồ sơ và dữ liệu; kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo và kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh.

3. Trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn Quy định và các quy định liên quan đến quá trình học tập, quyền và nghĩa vụ của người học ngay từ đầu khóa học; thực hiện kiểm tra nội bộ và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với đào tạo trình độ đại học; thường xuyên thu thập, phân tích và sử dụng phản hồi của người học, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan để cải tiến chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 26. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

a) Trường lưu trữ, cập nhật dữ liệu về hoạt động giáo dục đại học trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học bao gồm: số liệu người học tuyển mới, người học tốt nghiệp, văn bằng tốt nghiệp, người học thôi học và đang học trong năm, người học tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp; phân loại theo đối tượng đầu vào, chương trình đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

b) Trường thông báo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

2. Trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định về lưu trữ.

a) Quyết định trúng tuyển, sổ bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Trường công khai trên trang thông tin điện tử chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy định này và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo, quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hoặc quyết định mở ngành đào tạo đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo Quy định tuyển sinh hiện hành;

e) Các minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định tại Quy định này.

4. Trường công khai trên trang thông tin điện tử các văn bản hướng dẫn người học thực hiện quyền được đối xử công bằng trong quá trình học tập tại Trường (người học có thể khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm, trong xét tốt nghiệp, trong đánh giá học phần, hay trong xử lý kỷ luật).

5. Phòng Đào tạo là đầu mối tổng hợp dữ liệu, báo cáo định kỳ về đào tạo trình độ đại học; các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có trách nhiệm cung cấp, đối soát và xác nhận số liệu theo phạm vi được phân công, bảo đảm thống nhất với dữ liệu trên hệ thống quản lý đào tạo và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và bắt đầu tổ chức đào tạo từ năm học 2026 - 2027 trở đi.

2. Đối với các khóa tuyển sinh đã có thông báo tuyển sinh trước ngày Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực và chưa nhập học hoặc chưa tổ chức đào tạo, các khóa đang đào tạo theo các hình thức chính quy, vừa làm vừa học, từ xa; chương trình đào tạo từ xa đã công bố, tuyển sinh hoặc đang triển khai; hoạt động liên kết đào tạo đã ký kết, đã tuyển sinh; kết quả học tập, tín chỉ, học phần, chứng chỉ đã được công nhận, chuyển đổi hoặc miễn trừ thì thực hiện theo các Quy định đào tạo trình độ đại học có hiệu lực tại thời điểm thông báo tuyển sinh.

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ, minh chứng năng lực ngoại ngữ sử dụng cho

các chương trình đào tạo trình độ đại học quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học theo các chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện theo Quy định này áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các Chuẩn chương trình đào tạo đã ban hành.

Trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực thì chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học tiếp tục áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ quy định tại các chương trình đào tạo đã ban hành trước thời điểm Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực cho đến khi có Chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng.

5. Quy định đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1542/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 26 tháng 7 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn có liên quan tiếp tục được áp dụng đối với các khóa thuộc phạm vi điều khoản chuyển tiếp tại khoản 2 Điều này. Đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và các khóa tuyển sinh sau đó, thực hiện Quy định này kể từ thời điểm Quy định có hiệu lực.